

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

34. ĐỀ THI THỬ TN THPT NĂM 2026 LIÊN TRƯỜNG HẢI PHÒNG

BẢNG TỪ VỰNG							
STT	Từ vựng	Nghĩa	Từ loại	Phiên âm	Cấp độ	Từ đồng nghĩa	Từ trái nghĩa
1	accomplishment	thành tựu	n	/ə'kʌmplɪʃmənt/	C1	achievement	failure
2	adversity	ngịch cảnh, những khó khăn gian khổ	n	/əd'vɜːsəti/	C1	hardship	
3	autoimmune	tự miễn	adj	/ɔːtəʊɪ'mjuːn/	C2		
4	boundary	ranh giới	n	/'baʊndri/	C1	border, limit	
5	colonial	thuộc địa	adj	/kə'ləʊniəl/	C1		
6	comfort	sự thoải mái	n	/'kʌmfət/	B2	ease, relief	discomfort
7	component	thành phần	n	/kəm'pəʊnənt/	B2		
8	contestant	thí sinh, người dự thi	n	/kən'testənt/	C1		
9	coordinate	phối hợp, điều phối	v	/kəʊ'ɔːdɪneɪt/	C1	organize	
10	demonstrate	chứng minh	v	/'demənstreɪt/	B2	show, prove	
11	determination	sự quyết tâm, lòng kiên định	n	/dɪ'tɜːmɪ'neɪʃn/	B2	perseverance, resolve, persistence	
12	embrace	đón nhận, chấp nhận	v	/ɪm'breɪs/	B2	accept	reject
13	enterprise	dự án	n	/'entəpraɪz/	C1	venture	
14	fierce	dữ dội, khốc liệt	adj	/fɪəs/	C1		
15	frustration	sự thất vọng, sự bực bội	n	/frʌ'streɪʃn/	C1	irritation	satisfaction
16	impairment	sự suy giảm	n	/ɪm'peəmənt/	C1		
17	implication	hàm ý, hệ quả	n	/'ɪmplɪ'keɪʃn/	B2	consequence	
18	inclusive	hòa nhập	adj	/'ɪn'kluːsɪv/	C1		exclusive
19	inequality	sự bất bình đẳng	n	/'ɪnɪ'kwɒləti/	C1	disparity	equality
20	initially	ban đầu, vào lúc đầu	adv	/'ɪnɪʃli/	B2	originally, at first	eventually, finally
21	insignificant	không đáng kể, không quan trọng	adj	/'ɪnsɪg'nɪfɪkənt/	C1	minor, trivial	significant
22	integrate	hòa nhập	v	/'ɪntɪgreɪt/	B2		
23	interpret	hiểu theo một cách nhất định	v	/'ɪntɜːprət/	B2		
24	investment	sự đầu tư	n	/'ɪn'vestmənt/	B2		
25	metropolitan	thuộc về các đô thị lớn	adj	/'metrə'pɒlɪtən/	C1		
26	misunderstanding	sự hiểu lầm	n	/'mɪsʌndə'stændɪŋ/	B2	confusion	understanding

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

27	nature-based	dựa vào tự nhiên	adj	/'neɪtʃə beɪst/	C2		
28	overcome	vượt qua	v	/,əʊvə'kʌm/	B2	conquer	
29	pancreatic	(thuộc) tuyến tụy	adj	/'pæŋkri'ætɪk/	C2		
30	peripheral	ngoại vi	adj	/pə'ri:fərəl/	C1		
31	perseverance	sự kiên trì	n	/'pɜ:sə'vɪərəns/	C2	persistence, tenacity	
32	rapidity	sự nhanh chóng	n	/rə'pɪdətɪ/	C1		
33	rapidly	một cách nhanh chóng	adv	/'ræpɪdli/	B2	quickly, fast	slowly
34	rapids	đoạn ghềnh (đoạn sông nước chảy rất nhanh và mạnh)	n	/'ræpɪdz/	C1		
35	reliable	đáng tin cậy	adj	/'rɪ'laɪəbl/	B1	dependable, trustworthy	unreliable
36	settlement	khu định cư, khu dân cư	n	/'setlmənt/	C1		
37	single-use	dùng một lần	adj	/'sɪŋgl 'ju:s/	B2	disposable	reusable
38	strengthen	củng cố, tăng cường	v	/'streŋkθn/	B2	reinforce, boost	weaken
39	sustainable	bền vững	adj	/'sə'steɪnəbl/	B2	eco-friendly	unsustainable
40	symbolic	mang tính biểu tượng, tượng trưng	adj	/'sɪm'bɒlɪk/	C1	representative	
41	tension	sự căng thẳng (về tinh thần/mối quan hệ)	n	/'tenʃn/	B2	stress, strain	
42	transformation	sự chuyển đổi, sự biến đổi	n	/'trænsfə'meɪʃn/	C1	shift	
43	urbanisation urbanization	đô thị hóa	n	/'ɜ:bənəɪ'zeɪʃn/	C1		ruralisation
44	waste-free	không rác thải	adj	/'weɪst fri:/	C1		

BẢNG CẤU TRÚC

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	agree on	đồng ý về (một vấn đề/kế hoạch)
2	ask for	yêu cầu, xin
3	be dedicated to	tận tâm, cống hiến cho
4	care about	quan tâm đến
5	make a difference	tạo ra sự khác biệt
6	encourage somebody to do something	khuyến khích ai làm gì
7	in time	kịp lúc (vừa kịp trước khi việc gì đó xảy ra)

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

8	on point	đúng trọng tâm, hoàn hảo
9	on time	đúng giờ (theo lịch trình)
10	turn off	tắt (thiết bị)

ĐÁP ÁN CHI TIẾT

Question 1:

DỊCH BÀI	
<p>Are you tired of wasting time in traffic every day? The SmartMove Electric Scooter is the ideal choice for modern city life. SmartMove helps you travel rapidly, save time, and protect the environment. It's light, stylish, and easy to charge anywhere. You can ride up to 40 kilometers on a single charge, and it only takes three hours to recharge. Many riders say they now arrive on time and feel less stressed. The more people have used SmartMove, the cleaner and quieter the city has become. Since its launch, SmartMove has received excellent reviews for comfort, safety, and design. If you want to move freely through your city, choose SmartMove - the smart way to travel in the urban world.</p>	<p>Bạn có mệt mỏi vì phải lãng phí thời gian trong tắc đường mỗi ngày? Xe điện SmartMove là lựa chọn lý tưởng cho cuộc sống thành thị hiện đại. SmartMove giúp bạn di chuyển nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và bảo vệ môi trường. Xe nhẹ, kiểu dáng thời trang và dễ dàng sạc ở bất cứ đâu. Bạn có thể đi được tới 40 km chỉ với một lần sạc đầy, và chỉ mất ba giờ để sạc lại. Nhiều người dùng cho biết giờ đây họ đến đúng giờ và cảm thấy bớt căng thẳng hơn. Càng nhiều người sử dụng SmartMove, thành phố càng trở nên sạch sẽ và yên tĩnh hơn. Kể từ khi ra mắt, SmartMove đã nhận được những đánh giá xuất sắc về sự thoải mái, an toàn và thiết kế. Nếu bạn muốn di chuyển tự do trong thành phố, hãy chọn SmartMove - cách di chuyển thông minh trong thế giới đô thị.</p>

Question 1:

Kiến thức: Trật tự từ

+ modern /'mɒdn/ (adj): hiện đại

+ city life /'sɪti laɪf/ (n): cuộc sống thành phố

- Theo quy tắc trật tự từ, ta dùng tính từ trước cụm danh từ để bổ sung ý nghĩa. Vì vậy, 'modern city life' là đáp án đúng.

Tạm dịch:

The SmartMove Electric Scooter is the ideal choice for modern city life. (Xe điện SmartMove là lựa chọn lý tưởng cho cuộc sống thành thị hiện đại.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 2:

Kiến thức: Từ loại

A. rapidity /rə'pɪdətɪ/ (n): sự nhanh chóng

B. rapidly /'ræpɪdli/ (adv): một cách nhanh chóng

C. rapids /'ræpɪdz/ (n): đoạn ghềnh (đoạn sông nước chảy rất nhanh và mạnh)

D. rapid /'ræpɪd/ (adj): nhanh chóng, mau lẹ

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

- Theo quy tắc trật tự từ, ta dùng trạng từ đứng sau động từ 'travel' để bổ sung ý nghĩa. Vì vậy, 'rapidly' là đáp án đúng.

Tạm dịch:

SmartMove helps you travel rapidly, save time, and protect the environment. (SmartMove giúp bạn di chuyển nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và bảo vệ môi trường.)

→ Chọn đáp án B

Question 3:

Kiến thức: Cụm từ cố định (Collocations)

A. in point: đang được nói đến, phù hợp (thường dùng trong cụm 'a case in point' - một ví dụ điển hình)

B. in time: kịp lúc (vừa kịp trước khi một sự việc gì đó xảy ra)

C. on point: đúng trọng tâm, hoàn hảo

D. on time: đúng giờ (theo đúng lịch trình hoặc kế hoạch đã định)

Tạm dịch:

Many riders say they now arrive on time and feel less stressed. (Nhiều người dùng cho biết giờ đây họ đến đúng giờ và cảm thấy bớt căng thẳng hơn.)

→ Chọn đáp án D

Question 4:

Kiến thức: Cấp so sánh

- The + so sánh hơn + S + V..., the + so sánh hơn + S + V...: càng...càng

Tạm dịch:

The more people have used SmartMove, the cleaner and quieter the city has become. (Càng nhiều người sử dụng SmartMove, thành phố càng trở nên sạch sẽ và yên tĩnh hơn.)

→ Chọn đáp án B

Question 5:

Kiến thức: Thì của động từ

- 'Since' → dấu hiệu của thì hiện tại hoàn thành

- Cấu trúc: S + have/has + V3/ed + O...

- Thì hiện tại hoàn thành dùng để diễn tả một hành động, sự việc bắt đầu trong quá khứ và kéo dài đến hiện tại, hoặc một sự việc trong quá khứ có kết quả ảnh hưởng đến hiện tại.

Tạm dịch:

Since its launch, SmartMove has received excellent reviews for comfort, safety, and design. (Kể từ khi ra mắt, SmartMove đã nhận được những đánh giá xuất sắc về sự thoải mái, an toàn và thiết kế.)

→ Chọn đáp án A

Question 6:

Kiến thức: Từ vựng theo ngữ cảnh

A. resident /'rezɪdənt/ (adj): có nơi cư trú, thường trú

B. urban /'ɜ:bən/ (adj): thuộc về đô thị, thành phố

C. reliable /rɪ'laɪəbl/ (adj): đáng tin cậy, chắc chắn

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

D. colonial /kə'ləʊniəl/ (adj): thuộc về thuộc địa

Tạm dịch:

If you want to move freely through your city, choose SmartMove - the smart way to travel in the urban world. (Nếu bạn muốn di chuyển tự do trong thành phố, hãy chọn SmartMove - cách di chuyển thông minh trong thế giới đô thị.)

→ Chọn đáp án B

Question 7:

DỊCH BÀI	
<p>Urbanisation is transforming the way infrastructure connects different regions in our world. In October 2025, Vietnam and Russia agreed to develop a new railway project that would stretch more than 2,200 kilometres via China and Mongolia, and this initiative is aimed at strengthening transport connectivity and supporting regional economic cooperation. The rail link will integrate logistics networks, improve access to markets, and support the urbanisation of peripheral regions by providing better links to major cities.</p>	<p>Đô thị hóa đang làm thay đổi cách thức kết nối cơ sở hạ tầng giữa các vùng miền trên thế giới. Tháng 10 năm 2025, Việt Nam và Nga đã nhất trí phát triển dự án đường sắt mới dài hơn 2.200 km xuyên qua Trung Quốc và Mông Cổ, và sáng kiến này nhằm mục đích tăng cường kết nối giao thông và hỗ trợ hợp tác kinh tế khu vực. Tuyến đường sắt này sẽ tích hợp mạng lưới logistics, cải thiện khả năng tiếp cận thị trường và hỗ trợ đô thị hóa các vùng ngoại vi bằng cách cung cấp liên kết tốt hơn với các thành phố lớn.</p>
<p>The proposal has several key components and functions. Transport enterprises from Russia, Vietnam and China will coordinate concrete steps for the railway development in 2025, while financial issues will be handled via coordination between specialised agencies and private economic sectors. The line is expected to handle exports from Russia’s Tuva region, Mongolia and southern China, which means that remote areas will become more connected and may experience increased urban expansion and infrastructure growth. As urbanisation continues, new transport corridors play a vital role in enabling movement of people, goods and services from rural zones to metropolitan centres.</p>	<p>Đề xuất này có một số thành phần và chức năng chính. Các doanh nghiệp vận tải của Nga, Việt Nam và Trung Quốc sẽ phối hợp các bước cụ thể để phát triển đường sắt vào năm 2025, trong khi các vấn đề tài chính sẽ được xử lý thông qua sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn và khu vực kinh tế tư nhân. Tuyến đường sắt dự kiến sẽ phục vụ xuất khẩu từ vùng Tuva của Nga, Mông Cổ và miền Nam Trung Quốc, điều này có nghĩa là các khu vực xa xôi sẽ được kết nối tốt hơn và có thể chứng kiến sự mở rộng đô thị và tăng trưởng cơ sở hạ tầng mạnh mẽ hơn. Khi đô thị hóa tiếp tục diễn ra, các hành lang giao thông mới đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển của con người, hàng hóa và dịch vụ từ các vùng nông thôn đến các trung tâm đô thị.</p>
<p>The economic implications are significant for urban growth and regional development. By linking remote and less-served areas to major hubs, the railway will encourage investment, support the expansion of industrial zones, and stimulate housing and service-sector growth in newly accessible towns. This kind of infrastructure fosters urbanisation by making outlying regions more attractive for workers and</p>	<p>Tác động kinh tế là rất đáng kể đối với tăng trưởng đô thị và phát triển khu vực. Bằng cách kết nối các khu vực xa xôi và kém phát triển với các trung tâm giao thông lớn, tuyến đường sắt sẽ khuyến khích đầu tư, hỗ trợ mở rộng các khu công nghiệp và kích thích tăng trưởng nhà ở và dịch vụ tại các thị trấn mới được kết nối. Loại cơ sở hạ tầng này thúc đẩy đô thị hóa bằng cách làm cho các vùng ngoại ô trở nên hấp</p>

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

<p>families who seek affordable homes while still being connected to larger cities. At the same time, the enhanced connectivity may lead to wider city regions, more commuting, and a transformation of rural landscapes into suburban areas.</p>	<p>dẫn hơn đối với người lao động và các gia đình đang tìm kiếm nhà ở giá cả phải chăng trong khi vẫn được kết nối với các thành phố lớn hơn. Đồng thời, khả năng kết nối được tăng cường có thể dẫn đến các vùng đô thị rộng lớn hơn, nhiều người đi làm hơn và sự chuyển đổi cảnh quan nông thôn thành các khu vực ngoại ô.</p>
<p>In summary, the railway project between Vietnam and Russia represents a strategic move that supports urbanisation and regional economic integration. It highlights how infrastructure can direct the development of new urban zones and reshape patterns of settlement beyond traditional city boundaries. When such transport projects are managed carefully, they offer opportunities for balanced and sustainable urban growth while connecting rural and urban communities.</p>	<p>Tóm lại, dự án đường sắt giữa Việt Nam và Nga thể hiện một bước đi chiến lược hỗ trợ đô thị hóa và hội nhập kinh tế khu vực. Nó nhấn mạnh cách cơ sở hạ tầng có thể định hướng sự phát triển của các khu đô thị mới và định hình lại mô hình dân cư vượt ra ngoài ranh giới thành phố truyền thống. Khi các dự án giao thông như vậy được quản lý cẩn thận, chúng sẽ mang lại cơ hội cho sự tăng trưởng đô thị cân bằng và bền vững đồng thời kết nối cộng đồng nông thôn và thành thị.</p>

Question 7:

Kiến thức: Tìm thông tin không có trong đoạn

Mục đích nào sau đây KHÔNG được đề cập trong dự án đường sắt?

- A. Tăng cường kết nối giao thông
- B. Mở rộng trao đổi giáo dục
- C. Phát triển mạng lưới logistics
- D. Hỗ trợ hợp tác khu vực

Thông tin:

+ In October 2025, Vietnam and Russia agreed to develop a new railway project that would stretch more than 2,200 kilometres via China and Mongolia, and this initiative is aimed at **strengthening transport connectivity** and **supporting regional economic cooperation**. (Tháng 10 năm 2025, Việt Nam và Nga đã nhất trí phát triển dự án đường sắt mới dài hơn 2.200 km xuyên qua Trung Quốc và Mông Cổ, nhằm mục đích tăng cường kết nối giao thông và hỗ trợ hợp tác kinh tế khu vực.)

→ A và D được đề cập.

+ Bài đọc không đề cập đến việc ‘Mở rộng trao đổi giáo dục’.

→ B không được đề cập.

+ The rail link will **integrate logistics networks**, improve access to markets, and support the urbanisation of peripheral regions by providing better links to major cities. (Tuyến đường sắt này sẽ tích hợp mạng lưới logistics, cải thiện khả năng tiếp cận thị trường và hỗ trợ đô thị hóa các vùng ngoại vi bằng cách cung cấp liên kết tốt hơn với các thành phố lớn.)

→ C được đề cập.

→ **Chọn đáp án B**

Question 8:

Kiến thức: Từ quy chiếu

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Từ **'It'** trong đoạn 4 đề cập đến _____.

- A. hỗ trợ
- B. hội nhập
- C. đô thị hóa
- D. dự án

- Từ **'It'** trong đoạn 4 đề cập đến **'project'**.

Thông tin:

In summary, **the railway project** between Vietnam and Russia represents a strategic move that supports urbanisation and regional economic integration. **It** highlights how infrastructure can direct the development of new urban zones and reshape patterns of settlement beyond traditional city boundaries. (Tóm lại, dự án đường sắt giữa Việt Nam và Nga thể hiện một bước đi chiến lược hỗ trợ đô thị hóa và hội nhập kinh tế khu vực. Nó nhấn mạnh cách cơ sở hạ tầng có thể định hướng sự phát triển của các khu đô thị mới và định hình lại mô hình dân cư vượt ra ngoài ranh giới thành phố truyền thống.)

→ **Chọn đáp án D**

Question 9:

Kiến thức: Từ vựng trái nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Cụm từ **'urban growth'** trong đoạn 3 TRÁI NGHĨA với _____.

- A. rural decline: sự suy thoái nông thôn
- B. economic change: sự thay đổi kinh tế
- C. city expansion: sự mở rộng thành phố
- D. housing demand: nhu cầu nhà ở

- urban growth: sự tăng trưởng đô thị >< rural decline

Thông tin:

When such transport projects are managed carefully, they offer opportunities for balanced and sustainable **urban growth** while connecting rural and urban communities. (Khi các dự án giao thông như vậy được quản lý cẩn thận, chúng sẽ mang lại cơ hội cho sự tăng trưởng đô thị cân bằng và bền vững đồng thời kết nối cộng đồng nông thôn và thành thị.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 10:

Kiến thức: Từ vựng đồng nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ **'urbanisation'** trong đoạn 3 có thể được thay thế bằng _____.

- A. mountain transport: giao thông miền núi
- B. countryside farming: canh tác nông thôn
- C. city growth process: quá trình phát triển thành phố
- D. coastal trade system: hệ thống thương mại ven biển

- urbanisation / ,ɜːbənəɪ'zeɪʃn/ (n): quá trình đô thị hóa = city growth process

Thông tin:

This kind of infrastructure fosters **urbanisation** by making outlying regions more attractive for workers and families who seek affordable homes while still being connected to larger cities. (Loại cơ sở hạ tầng này thúc đẩy

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

đô thị hóa bằng cách làm cho các vùng ngoại ô trở nên hấp dẫn hơn đối với người lao động và các gia đình đang tìm kiếm nhà ở giá cả phải chăng trong khi vẫn được kết nối với các thành phố lớn hơn.)

→ Chọn đáp án C

Question 11:

Kiến thức: Paraphrasing

Câu nào sau đây diễn đạt lại câu được gạch chân trong đoạn 2 một cách chính xác nhất?

Tuyến đường sắt dự kiến sẽ phục vụ xuất khẩu từ vùng Tuva của Nga, Mông Cổ và miền Nam Trung Quốc

- A. Con tàu sẽ di chuyển hành khách qua nhiều vùng miền. → Sai ở 'passengers' vì mặc dù tàu hỏa có thể chở người, nhưng câu gốc đang nhấn mạnh vào chức năng thương mại/vận tải hàng hóa.
- B. Dự án sẽ thay thế việc vận chuyển bằng các tuyến đường biển. → Sai vì câu gốc không đề cập thông tin này.
- C. Tuyến đường sắt sẽ kiểm soát thương mại giữa một số cảng biển. → Sai vì câu gốc không đề cập 'some ports'.
- D. Tuyến đường sắt sẽ vận chuyển hàng hóa từ một vài khu vực. → Diễn đạt đúng nhất ngữ nghĩa của câu gốc.

→ Chọn đáp án D

Question 12:

Kiến thức: TRUE/ NOT TRUE/ NOT MENTIONED

Theo bài đọc, phát biểu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Thỏa thuận tài chính sẽ hạn chế hợp tác thương mại.
- B. Quá trình xây dựng sẽ hoàn thành trong vòng một năm.
- C. Kế hoạch phát triển sẽ làm giảm sự tăng trưởng đô thị toàn cầu.
- D. Dự án đường sắt sẽ kết nối một vài quốc gia châu Á.

Thông tin:

+ In October 2025, Vietnam and Russia agreed to develop a new railway project that would **stretch more than 2,200 kilometres via China and Mongolia**, and this initiative is aimed at **strengthening transport connectivity and supporting regional economic cooperation**...Transport enterprises from Russia, Vietnam and China will coordinate concrete steps for the railway development in 2025, while **financial issues will be handled via coordination between specialised agencies and private economic sectors**. (Tháng 10 năm 2025, Việt Nam và Nga đã nhất trí phát triển dự án đường sắt mới dài hơn 2.200 km xuyên qua Trung Quốc và Mông Cổ, nhằm mục đích tăng cường kết nối giao thông và hỗ trợ hợp tác kinh tế khu vực...Các doanh nghiệp vận tải của Nga, Việt Nam và Trung Quốc sẽ phối hợp các bước cụ thể để phát triển đường sắt vào năm 2025, trong khi các vấn đề tài chính sẽ được xử lý thông qua sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn và khu vực kinh tế tư nhân.)

→ A sai ở 'limit' vì trái ngược hoàn toàn với tinh thần 'strengthen/support' (tăng cường/hỗ trợ) của dự án.

→ D đúng.

+ In October 2025, Vietnam and Russia agreed to develop a new railway project that would stretch more than 2,200 kilometres via China and Mongolia, and this initiative is aimed at strengthening transport connectivity and supporting regional economic cooperation. (Tháng 10 năm 2025, Việt Nam và Nga đã nhất trí phát triển dự án đường sắt mới dài hơn 2.200 km xuyên qua Trung Quốc và Mông Cổ, nhằm mục đích tăng cường kết nối giao thông và hỗ trợ hợp tác kinh tế khu vực.)

→ B sai vì không có bất kỳ mốc thời gian nào khẳng định việc xây dựng sẽ 'hoàn thành' (finish) chỉ trong vòng một năm cho một dự án dài hơn 2.200 km.

+ **The rail link will integrate logistics networks, improve access to markets, and support the urbanisation of peripheral regions by providing better links to major cities...The economic implications are significant for**

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

urban growth and regional development...This kind of infrastructure fosters urbanisation by making outlying regions more attractive for workers and families who seek affordable homes while still being connected to larger cities. (Tuyến đường sắt này sẽ tích hợp mạng lưới logistics, cải thiện khả năng tiếp cận thị trường và hỗ trợ đô thị hóa các vùng ngoại vi bằng cách cung cấp liên kết tốt hơn với các thành phố lớn...Tác động kinh tế là rất đáng kể đối với tăng trưởng đô thị và phát triển khu vực...Loại cơ sở hạ tầng này thúc đẩy đô thị hóa bằng cách làm cho các vùng ngoại ô trở nên hấp dẫn hơn đối với người lao động và các gia đình đang tìm kiếm nhà ở giá cả phải chăng trong khi vẫn được kết nối với các thành phố lớn hơn.)

→ C sai ở 'reduce' vì dự án này được thiết kế để thúc đẩy (foster/support) đô thị hóa, không phải làm giảm nó.
→ Chọn đáp án D

Question 13:

Kiến thức: Tìm đoạn chứa thông tin

Tác giả đề cập đến tác động kinh tế của dự án trong đoạn văn nào?

- A. Đoạn 2
- B. Đoạn 3
- C. Đoạn 1
- D. Đoạn 4

Thông tin:

The economic implications are significant for urban growth and regional development. (Tác động kinh tế là rất đáng kể đối với tăng trưởng đô thị và phát triển khu vực.)

→ Chọn đáp án B

Question 14:

Kiến thức: Tìm đoạn chứa thông tin

Tác giả mô tả thỏa thuận giữa Việt Nam và Nga trong đoạn văn nào?

- A. Đoạn 4
- B. Đoạn 1
- C. Đoạn 2
- D. Đoạn 3

Thông tin:













In October 2025, Vietnam and Russia agreed to develop a new railway project that would stretch more than 2,200 kilometres via China and Mongolia, and this initiative is aimed at strengthening transport connectivity and supporting regional economic cooperation. (Tháng 10 năm 2025, Việt Nam và Nga đã nhất trí phát triển dự án đường sắt mới dài hơn 2.200 km xuyên qua Trung Quốc và Mông Cổ, nhằm mục đích tăng cường kết nối giao thông và hỗ trợ hợp tác kinh tế khu vực.)

→ Chọn đáp án B

Question 15:

DỊCH BÀI	
 Green Living: Small Steps, Big Change 	 Sống Xanh: Những Bước Nhỏ, Thay Đổi Lớn 
<i>Living green helps the planet and makes our lives healthier. Here are simple ways to start:</i>	<i>Sống xanh giúp bảo vệ hành tinh và làm cho cuộc sống của chúng ta khỏe mạnh hơn. Dưới đây là</i>

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

	<i>những cách đơn giản để bắt đầu:</i>
 Travel wisely: Walk, cycle, or use public transport, which reduces air pollution.	 Đi lại thông minh: Đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng phương tiện giao thông công cộng để giảm ô nhiễm không khí.
 Save water: Turn off the tap while brushing your teeth or washing dishes.	 Tiết kiệm nước: Tắt vòi nước khi đánh răng hoặc rửa chén.
 Avoid single-use plastic: Replace plastic bags and bottles with reusable ones to save money.	 Tránh sử dụng nhựa dùng một lần: Thay thế túi và chai nhựa bằng loại có thể tái sử dụng để tiết kiệm tiền.
 Use less electricity: Switch off lights when not needed and unplug chargers.	 Sử dụng ít điện hơn: Tắt đèn khi không cần thiết và rút phích cắm sạc.
 Plant trees and grow herbs: Plants clean the air and give shade. This keeps cities cooler.	 Trồng cây và trồng thảo mộc: Cây xanh làm sạch không khí và tạo bóng mát. Điều này giúp các thành phố mát mẻ hơn.
 Remember: One small action may seem tiny, but together they make a big difference. Choose green living today - for yourself, for others, and for the Earth!	 Hãy nhớ: Một hành động nhỏ có vẻ không đáng kể, nhưng khi kết hợp lại chúng tạo nên sự khác biệt lớn. Hãy chọn lối sống xanh ngay hôm nay - vì chính bạn, vì người khác và vì Trái đất!

Question 15:

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

- Ta dùng đại từ quan hệ chỉ vật 'which' kết hợp với dấu phẩy để thay thế cho cả ý trước đó (Đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng phương tiện giao thông công cộng).

Tạm dịch:

Walk, cycle, or use public transport, which reduces air pollution. (Đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng phương tiện giao thông công cộng để giảm ô nhiễm không khí.)

→ Chọn đáp án C

Question 16:

Kiến thức: Cụm động từ

- A. Agree on: đồng ý về (một vấn đề, kế hoạch hoặc quyết định nào đó)
- B. Care about: quan tâm đến, lo lắng về
- C. Ask for: yêu cầu, xin (cái gì đó)
- D. Turn off: tắt (thiết bị)

Tạm dịch:

Turn off the tap while brushing your teeth or washing dishes. (Tắt vòi nước khi đánh răng hoặc rửa chén.)

→ Chọn đáp án D

Question 17:

Kiến thức: Từ vựng theo ngữ cảnh

- A. nature-based /'neɪtʃə beɪst/ (adj): dựa vào thiên nhiên
- B. waste-free /weɪst fri:/ (adj): không rác thải

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

C. eco-friendly /'i:kəʊ ˌfrendli/ (adj): thân thiện với môi trường

D. single-use /ˌsɪŋɡl 'juːs/ (adj): sử dụng một lần

Tạm dịch:

Avoid single-use plastic: (Tránh sử dụng nhựa dùng một lần:)

→ Chọn đáp án D

Question 18:

Kiến thức: Từ loại

A. reusable /ˌriːˈjuːzəbl/ (adj): có thể tái sử dụng

B. reusing /ˌriːˈjuːzɪŋ/ (v-ing): việc tái sử dụng (danh động từ) hoặc đang tái sử dụng

C. reuse /ˌriːˈjuːz/ (v): tái sử dụng

D. reusage /ˌriːˈjuːsɪdʒ/ (n): sự tái sử dụng (từ này ít phổ biến hơn từ 'reuse' khi đóng vai trò danh từ)

- Theo quy tắc trật tự từ, ta dùng tính từ đứng trước đại từ 'ones' (đang thay thế cho danh từ 'bags' và 'bottles') để bổ sung ý nghĩa. Vì vậy, 'reusable' là đáp án đúng.

Tạm dịch:

Replace plastic bags and bottles with reusable ones to save money. (Thay thế túi và chai nhựa bằng loại có thể tái sử dụng để tiết kiệm tiền.)

→ Chọn đáp án A

Question 19:

Kiến thức: Liên từ và trạng từ liên kết

A. when: khi, vào lúc

B. which: cái mà, điều mà

C. while: trong khi

D. that: rằng, mà, người mà/vật mà

Tạm dịch:

Switch off lights when not needed and unplug chargers. (Thay thế túi và chai nhựa bằng loại có thể tái sử dụng để tiết kiệm tiền.)

→ Chọn đáp án A

Question 20:

Kiến thức: Cụm từ cố định (Collocations)

- make a difference: tạo ra sự khác biệt

Tạm dịch:

One small action may seem tiny, but together they make a big difference. (Một hành động nhỏ có vẻ không đáng kể, nhưng khi kết hợp lại chúng tạo nên sự khác biệt lớn.)

→ Chọn đáp án B

Question 21:

DỊCH BÀI	
Christine Ha, a Vietnamese-American chef and	Christine Hà, một đầu bếp và nhà văn người Mỹ gốc

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

<p>writer, is widely recognized as an inspiring figure who has transformed personal adversity into professional success. After losing her vision due to neuromyelitis optica, a rare autoimmune disease, she did not give up on her dreams. Instead, she became more dedicated to mastering her culinary skills, drawing heavily on the memory of her mother’s traditional Vietnamese cooking. Her journey was not only personal but also symbolic of strength, identity, and perseverance.</p>	<p>Việt, được biết đến rộng rãi như một nhân vật truyền cảm hứng, người đã biến nghịch cảnh cá nhân thành thành công trong sự nghiệp. Sau khi mất thị lực do bệnh viêm tủy thị thần kinh, một căn bệnh tự miễn hiếm gặp, cô đã không từ bỏ ước mơ của mình. Thay vào đó, cô càng dốc sức trau dồi kỹ năng nấu nướng, dựa nhiều vào ký ức về những món ăn truyền thống Việt Nam của mẹ mình. Hành trình của cô không chỉ mang tính cá nhân mà còn tượng trưng cho sức mạnh, bản sắc và sự kiên trì.</p>
<p>In 2012, Ha made an impressive mark on the international stage by becoming the first visually impaired contestant to win the television competition MasterChef USA. She was preparing a Vietnamese caramelized catfish dish when the judges first noticed her unique cooking style and determination. Her win was more than just a television moment; it was a significant achievement that inspired people around the world, especially those facing physical limitations. By combining emotion with technique, she brought Vietnamese flavors to the forefront of American cuisine.</p>	<p>Năm 2012, Hà đã tạo dấu ấn ấn tượng trên đấu trường quốc tế khi trở thành thí sinh khiếm thị đầu tiên giành chiến thắng trong cuộc thi truyền hình Vua Đầu Bếp Mỹ. Khi cô đang chuẩn bị món cá trê kho tộ kiểu Việt Nam, các giám khảo đã lần đầu tiên nhận thấy phong cách nấu ăn độc đáo và sự quyết tâm của cô. Chiến thắng này không chỉ là một khoảnh khắc trên truyền hình; đó là một thành tựu to lớn truyền cảm hứng cho mọi người trên khắp thế giới, đặc biệt là những người đang phải đối mặt với những hạn chế về thể chất. Bằng cách kết hợp cảm xúc với kỹ thuật, cô đã đưa hương vị Việt Nam lên hàng đầu trong nền ẩm thực Mỹ.</p>
<p>Beyond the competition, Ha continued to influence others through writing and media. Her cookbook, Recipes from My Home Kitchen, introduced readers to accessible Vietnamese dishes with emotional depth and cultural pride. Moreover, she co-hosted the show Four Senses, which was designed to be more accessible to viewers with visual impairments. Her work in television and publishing reflected genuine innovation in making food media inclusive and engaging for diverse audiences.</p>	<p>Vượt ra ngoài khuôn khổ cuộc thi, Hà tiếp tục tạo sức ảnh hưởng thông qua viết lách và truyền thông. Cuốn sách nấu ăn của cô, Recipes from My Home Kitchen, đã giới thiệu cho độc giả những món ăn Việt Nam dễ tiếp cận với chiều sâu cảm xúc và niềm tự hào văn hóa. Hơn nữa, cô đồng dẫn chương trình Four Senses, được thiết kế để dễ tiếp cận hơn với người xem bị khiếm thị. Công việc của cô trong lĩnh vực truyền hình và xuất bản phản ánh sự đổi mới thực sự trong việc làm cho truyền thông ẩm thực trở nên hòa nhập và hấp dẫn đối với nhiều đối tượng khán giả khác nhau.</p>
<p>Ha also opened her own restaurant, The Blind Goat, in Houston, Texas. Although the restaurant initially faced challenges, she remained committed to refining her service and improving customer satisfaction. Her story is not just about food; it is about resilience, cultural representation, and the pursuit of excellence. Christine Ha continues to serve as a powerful voice for the marginalized and a role model for future generations. Her accomplishments demonstrate how talent and</p>	<p>Hà cũng mở nhà hàng riêng của mình, The Blind Goat, ở Houston, Texas. Mặc dù ban đầu nhà hàng gặp nhiều khó khăn, cô vẫn kiên trì cải thiện dịch vụ và nâng cao sự hài lòng của khách hàng. Câu chuyện của cô không chỉ xoay quanh ẩm thực; mà còn về sự kiên cường, đại diện văn hóa và theo đuổi sự xuất sắc. Christine Hà tiếp tục là tiếng nói mạnh mẽ cho những người bị thiệt thòi và là hình mẫu cho các thế hệ tương lai. Những thành tựu của cô chứng minh rằng tài năng và quyết tâm có thể vượt qua ngay cả</p>

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

determination can overcome even the most difficult circumstances.	những hoàn cảnh khó khăn nhất.
---	--------------------------------

Question 21:

Kiến thức: Đọc hiểu thông tin chi tiết

Theo đoạn 1, Christine Hà được biết đến với cách cô ấy _____.

- A. được đào tạo bởi nhiều đầu bếp trong các nhà bếp chuyên nghiệp của Pháp
- B. biến nghịch cảnh cá nhân thành thành công nghề nghiệp
- C. từ chối nấu ăn sau khi bị suy giảm thị lực
- D. trở nên giàu có nhờ bán các món ăn truyền thống Việt Nam

Thông tin:

Christine Ha, a Vietnamese-American chef and writer, is widely recognized as an inspiring figure who has transformed personal adversity into professional success. (Christine Hà, một đầu bếp và nhà văn người Mỹ gốc Việt, được biết đến rộng rãi như một nhân vật truyền cảm hứng, người đã biến nghịch cảnh cá nhân thành thành công trong sự nghiệp.)

→ Chọn đáp án B

Question 22:

Kiến thức: Tóm tắt nội dung đoạn trong bài đọc

Câu nào sau đây tóm tắt đoạn 2 một cách chính xác nhất?

- A. Christine Hà tham gia Vua Đầu Bếp với mục đích trở thành người nổi tiếng hơn là quảng bá di sản văn hóa hay phong cách nấu ăn của mình. → Sai vì đoạn văn không hề nói cô muốn làm người nổi tiếng (celebrity). Ngược lại, dẫn chứng cho thấy cô rất chú trọng văn hóa: ‘bringing Vietnamese flavors to the forefront’ (đưa hương vị Việt lên hàng đầu).
- B. Hành trình Vua Đầu Bếp của Christine Hà cho thấy cách cô sử dụng việc kể chuyện bằng cảm xúc và các món ăn Việt Nam táo bạo để giành được sự ngưỡng mộ của cả nước. → Đúng, tóm tắt đầy đủ ý chính của đoạn văn.
- C. Những lần xuất hiện đầu tiên của Christine Hà trên các chương trình nấu ăn hầu hết đều thất bại cho đến khi cô bắt đầu nấu nhiều loại món ăn đến từ Ý, Việt Nam và Pháp. → Sai vì đoạn văn không nhắc đến việc cô từng thất bại trước đó hay nấu món Ý, món Pháp trong cuộc thi này.
- D. Chiến thắng Vua Đầu Bếp của Christine Hà chủ yếu là nhờ câu chuyện cá nhân của cô chứ không phải nhờ chuyên môn ẩm thực hay kỹ năng trình bày món ăn. → Sai ở ‘primarily’ vì đoạn văn khẳng định cô kết hợp cả hai: ‘combining emotion with technique’ (kết hợp cảm xúc với kỹ thuật).

Tóm tắt:

Năm 2012, Hà trở thành thí sinh khiếm thị đầu tiên chiến thắng Vua Đầu Bếp Mỹ, gây ấn tượng với món cá kho Việt Nam. Chiến thắng của cô truyền cảm hứng mạnh mẽ, vượt qua giới hạn thể chất và quảng bá ẩm thực Việt ra thế giới.

→ Chọn đáp án B

Question 23:

Kiến thức: Từ vựng đồng nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ ‘**accomplishments**’ trong đoạn 4 chủ yếu có nghĩa là _____.

- A. biological and pancreatic illnesses: các bệnh về sinh học và tuyến tụy
- B. minimal and insignificant goals: các mục tiêu nhỏ nhặt và không đáng kể

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

C. noticeable and significant achievement: thành tích đáng chú ý và quan trọng

D. admired and respected individuals: những cá nhân được ngưỡng mộ và tôn trọng

- accomplishment /ə'kʌmplɪʃmənt/ (n): thành tựu = noticeable and significant achievement

Thông tin:

Her **accomplishments** demonstrate how talent and determination can overcome even the most difficult circumstances. (Những thành tựu của cô chứng minh rằng tài năng và quyết tâm có thể vượt qua ngay cả những hoàn cảnh khó khăn nhất.)

→ Chọn đáp án C

Question 24:

Kiến thức: TRUE/ NOT TRUE/ NOT MENTIONED

Trong bài đọc, mục nào sau đây KHÔNG được đề cập như một dự án hoặc sản phẩm liên quan đến Christine Hà?

A. Xuất bản sách nấu ăn với những câu chuyện cá nhân và công thức nấu ăn Việt dễ tiếp cận.

B. Tạo ra một dòng dụng cụ nấu ăn được thiết kế dành riêng cho người khiếm thị.

C. Mở một nhà hàng ở Houston kết hợp kể chuyện cá nhân và văn hóa thông qua đồ ăn.

D. Đồng dẫn chương trình truyền hình giúp nội dung ẩm thực dễ tiếp cận hơn với người xem khiếm thị.

Thông tin:

+ Her **cookbook, Recipes from My Home Kitchen, introduced readers to accessible Vietnamese dishes with emotional depth and cultural pride.** (Cuốn sách nấu ăn của cô, Recipes from My Home Kitchen, đã giới thiệu cho độc giả những món ăn Việt Nam dễ tiếp cận với chiều sâu cảm xúc và niềm tự hào văn hóa.)

→ A được đề cập.

+ Không có bất kỳ thông tin nào nói về việc cô ấy thiết kế hay kinh doanh 'dòng dụng cụ nấu ăn' (cooking utensil line).

→ B không được đề cập.

+ Ha **also opened her own restaurant, The Blind Goat, in Houston, Texas...Her story is not just about food; it is about resilience, cultural representation, and the pursuit of excellence.** (Hà cũng mở nhà hàng riêng của mình, The Blind Goat, ở Houston, Texas...Câu chuyện của cô không chỉ xoay quanh ẩm thực; mà còn về sự kiên cường, đại diện văn hóa và theo đuổi sự xuất sắc.)

→ C được đề cập.

+ **Moreover, she co-hosted the show Four Senses, which was designed to be more accessible to viewers with visual impairments.** (Hơn nữa, cô đồng dẫn chương trình Four Senses, được thiết kế để dễ tiếp cận hơn với người xem bị khiếm thị.)

→ D được đề cập.

→ Chọn đáp án B

Question 25:

Kiến thức: Từ quy chiếu

Từ 'it' trong đoạn 2 đề cập đến _____.

A. khoảnh khắc

B. truyền hình

C. quyết tâm

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

D. chiến thắng

- Từ 'it' trong đoạn 2 đề cập đến 'win'.

Thông tin:

Her **win** was more than just a television moment; **it** was a significant achievement that inspired people around the world, especially those facing physical limitations. (Chiến thắng này không chỉ là một khoảnh khắc trên truyền hình; đó là một thành tựu to lớn truyền cảm hứng cho mọi người trên khắp thế giới, đặc biệt là những người đang phải đối mặt với những hạn chế về thể chất.)

→ Chọn đáp án D

Question 26:

Kiến thức: Paraphrasing

Câu nào sau đây diễn đạt lại câu được gạch chân trong đoạn 4 một cách chính xác nhất?

Mặc dù ban đầu nhà hàng gặp nhiều khó khăn, cô vẫn kiên trì cải thiện dịch vụ và nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

A. Do sự thành công vang dội của nhà hàng, cô ấy đã mở rộng nhanh chóng sang một số quốc gia khác mà không chút do dự. → Sai vì câu gốc không đề cập thông tin này.

B. Trong khi nhiều đối tác kinh doanh không đồng ý với lựa chọn của cô, cô hiếm khi từ chối thay đổi bất cứ điều gì trong nhà hàng của mình. → Sai vì câu gốc không đề cập thông tin này.

C. Mặc dù nhà hàng của cô ấy thất bại, cô ấy quyết định từ bỏ nấu ăn và trở thành một người viết sách ẩm thực nổi tiếng ở Việt Nam. → Sai ở 'abandon cooking'.

D. Bất chấp việc trải qua những khó khăn ban đầu, cô ấy vẫn quyết tâm nâng cao chất lượng nhà hàng và làm cho khách hàng hài lòng. → Diễn đạt đúng nhất ngữ nghĩa của câu gốc.

→ Chọn đáp án D

Question 27:

Kiến thức: Đọc hiểu thông tin chi tiết

Theo bài đọc, món ăn cụ thể nào mà Christine Hà đã nấu trong chương trình Vua Đầu Bếp thu hút sự chú ý của ban giám khảo?

A. Một chiếc bánh mì kẹp thịt kiểu Mỹ cổ điển phản ánh kỹ thuật kết hợp độc đáo của cô

B. Một món cá trê kho tộ kiểu Việt Nam làm nổi bật di sản văn hóa của cô

C. Một món cà ri Thái cay nồng chịu ảnh hưởng từ những chuyến du lịch của cô khắp Đông Nam Á

D. Một loại bánh ngọt Pháp tinh tế thể hiện trí nhớ hình ảnh và sự sáng tạo của cô

Thông tin:

She was preparing a Vietnamese caramelized catfish dish when the judges first noticed her unique cooking style and determination. (Khi cô đang chuẩn bị món cá trê kho tộ kiểu Việt Nam, các giám khảo đã lần đầu tiên nhận thấy phong cách nấu ăn độc đáo và sự quyết tâm của cô.)

→ Chọn đáp án B

Question 28:

Kiến thức: Suy luận

Có thể suy luận được gì về Christine Hà và hành trình sự nghiệp của cô ấy?

A. Một số người tin rằng những thành tựu của Christine Hà chỉ ngắn ngủi và không tạo ra tầm ảnh hưởng văn hóa đáng kể hay lâu dài.

Giaoandethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

B. Christine Hà đã liên tục biến những thử thách cá nhân thành các cơ hội để phát triển sự nghiệp và truyền cảm hứng cho người khác.

C. Christine Hà đã đối mặt với nhiều rào cản và vươn tới thành công nhanh chóng sau khi tham dự chương trình Vua Đầu Bếp Mỹ.

D. Christine Hà từ chối việc chủ yếu dựa vào sự đồng cảm của công chúng hơn là tài năng để đạt được sự công nhận và thành công lâu dài.

Thông tin:

+ Beyond the competition, Ha continued to influence others through writing and media. Her cookbook, *Recipes from My Home Kitchen*, introduced readers to accessible Vietnamese dishes with emotional depth and cultural pride. Moreover, she co-hosted the show *Four Senses*, which was designed to be more accessible to viewers with visual impairments...Christine Ha continues to serve as a powerful voice for the marginalized and a role model for future generations. (Vượt ra ngoài khuôn khổ cuộc thi, Hà tiếp tục tạo sức ảnh hưởng thông qua viết lách và truyền thông. Cuốn sách nấu ăn của cô, *Recipes from My Home Kitchen*, đã giới thiệu cho độc giả những món ăn Việt Nam dễ tiếp cận với chiều sâu cảm xúc và niềm tự hào văn hóa. Hơn nữa, cô đồng dẫn chương trình *Four Senses*, được thiết kế để dễ tiếp cận hơn với người xem bị khiếm thị...Christine Hà tiếp tục là tiếng nói mạnh mẽ cho những người bị thiệt thòi và là hình mẫu cho các thế hệ tương lai.)

→ A sai ở 'short-lived and did not create a significant or lasting cultural influence' vì việc mở nhà hàng, viết sách và làm truyền hình cho thấy tầm ảnh hưởng của cô rất sâu rộng và bền vững, không hề 'ngắn ngủi' (short-lived).

+ Christine Ha, a Vietnamese-American chef and writer, is widely recognized as an inspiring figure who has transformed personal adversity into professional success. After losing her vision due to neuromyelitis optica, a rare autoimmune disease, she did not give up on her dreams. Instead, she became more dedicated to mastering her culinary skills, drawing heavily on the memory of her mother's traditional Vietnamese cooking... In 2012, Ha made an impressive mark on the international stage by becoming the first visually impaired contestant to win the television competition *MasterChef USA*...Her win was more than just a television moment; it was a significant achievement that inspired people around the world, especially those facing physical limitations. (Christine Hà, một đầu bếp và nhà văn người Mỹ gốc Việt, được biết đến rộng rãi như một nhân vật truyền cảm hứng, người đã biến nghịch cảnh cá nhân thành thành công trong sự nghiệp. Sau khi mất thị lực do bệnh viêm tủy thị thần kinh, một căn bệnh tự miễn hiếm gặp, cô đã không từ bỏ ước mơ của mình. Thay vào đó, cô càng dốc sức trau dồi kỹ năng nấu nướng, dựa nhiều vào ký ức về những món ăn truyền thống Việt Nam của mẹ mình... Năm 2012, Hà đã tạo dấu ấn ấn tượng trên đấu trường quốc tế khi trở thành thí sinh khiếm thị đầu tiên giành chiến thắng trong cuộc thi truyền hình *Vua Đầu Bếp Mỹ*... Chiến thắng này không chỉ là một khoảnh khắc trên truyền hình; đó là một thành tựu to lớn truyền cảm hứng cho mọi người trên khắp thế giới, đặc biệt là những người đang phải đối mặt với những hạn chế về thể chất.)

→ B có thể suy ra từ thông tin này.

+ Her journey was not only personal but also symbolic of strength, identity, and perseverance...Beyond the competition, Ha continued to influence others through writing and media...Although the restaurant initially faced challenges, she remained committed to refining her service and improving customer satisfaction. (Hành trình của cô không chỉ mang tính cá nhân mà còn tượng trưng cho sức mạnh, bản sắc và sự kiên trì...Vượt ra ngoài khuôn khổ cuộc thi, Hà tiếp tục tạo sức ảnh hưởng thông qua viết lách và truyền thông...Mặc dù ban đầu nhà hàng gặp nhiều khó khăn, cô vẫn kiên trì cải thiện dịch vụ và nâng cao sự hài lòng của khách hàng.)

→ C sai ở 'quickly' vì lựa chọn này tập trung vào sự 'nhanh chóng' (quickly) mà bỏ qua quá trình bền bỉ (perseverance) và nỗ lực sau cuộc thi (mở nhà hàng, viết sách) được đề cập trong bài đọc.

+ Bài đọc chỉ tập trung vào việc cô chứng minh tài năng, chứ không nhắc đến thái độ của cô đối với 'sự đồng cảm của công chúng'.

→ D sai.

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

→ Chọn đáp án B

Question 29:

Kiến thức: Chèn câu

Câu sau đây phù hợp nhất ở vị trí nào trong bài đọc?

‘Hơn nữa, cô đồng dẫn chương trình Four Senses, được thiết kế để dễ tiếp cận hơn với người xem bị khiếm thị.’

- A. (III)
- B. (IV)
- C. (I)
- D. (II)

- Vị trí (III) phù hợp nhất vì câu cần chèn liên kết mạch lạc ý trước và ý sau.

Thông tin:

Her cookbook, Recipes from My Home Kitchen, introduced readers to accessible Vietnamese dishes with emotional depth and cultural pride. **Moreover, she co-hosted the show Four Senses, which was designed to be more accessible to viewers with visual impairments.** Her work in television and publishing reflected genuine innovation in making food media inclusive and engaging for diverse audiences. (Cuốn sách nấu ăn của cô, Recipes from My Home Kitchen, đã giới thiệu cho độc giả những món ăn Việt Nam dễ tiếp cận với chiều sâu cảm xúc và niềm tự hào văn hóa. Hơn nữa, cô đồng dẫn chương trình Four Senses, được thiết kế để dễ tiếp cận hơn với người xem bị khiếm thị. Công việc của cô trong lĩnh vực truyền hình và xuất bản phản ánh sự đổi mới thực sự trong việc làm cho truyền thông ẩm thực trở nên hòa nhập và hấp dẫn đối với nhiều đối tượng khán giả khác nhau.)

→ Chọn đáp án A

Question 30:

Kiến thức: Tóm tắt bài đọc

Câu nào sau đây tóm tắt bài đọc một cách chính xác nhất?

- A. Bài đọc tập trung vào những khó khăn của Christine Hà với bệnh tật và quyết định bỏ công việc cũ để thay đổi số phận bằng cách tham gia một chương trình nấu ăn nổi tiếng. → Sai ở ‘leave her previous job’ vì bài đọc không hề nhắc đến việc cô ấy ‘bỏ công việc cũ’. Trọng tâm của bài là quá trình cô ấy nỗ lực sau khi mất thị giác, chứ không phải chuyện nhảy việc.
- B. Câu chuyện cuộc đời của Christine Hà là một minh chứng cho việc sự kiên cường, bản sắc văn hóa và sự sáng tạo có thể phá vỡ mọi rào cản và truyền cảm hứng cho mọi người trên toàn thế giới. → Đúng, bao quát toàn bộ nội dung của bài đọc.
- C. Sự nổi tiếng của Christine Hà với tư cách là một đầu bếp ngôi sao chủ yếu đến từ sự đồng cảm của công chúng, tài năng ẩm thực thực thụ và sự đổi mới ấn tượng trong nấu nướng của cô. → Sai ở ‘primarily results from public sympathy’ vì bài đọc khẳng định cô ấy thành công nhờ tài năng và sự quyết tâm cũng như kỹ thuật nấu nướng, chứ không phải nhờ sự đồng cảm của công chúng.
- D. Câu chuyện của Christine Hà tập trung chủ yếu vào hành trình làm chủ các kỹ thuật nấu ăn phương Tây và quyết định mở nhiều nhà hàng Mỹ của cô. → Sai vì bài đọc nhấn mạnh cô ấy mang ‘Vietnamese flavors’ (hương vị Việt) ra thế giới và nấu ‘traditional Vietnamese cooking’, chứ không phải tập trung vào kỹ thuật nấu ăn phương Tây.

Tóm tắt:

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Christine Hà là một đầu bếp người Mỹ gốc Việt đầy cảm hứng, người đã biến việc mất thị lực thành thành công chuyên nghiệp. Sau khi giành chiến thắng tại Vua Đầu Bếp Mỹ năm 2012 với hương vị Việt Nam truyền thống, cô đã trở thành biểu tượng toàn cầu về sự kiên cường. Sau cuộc thi, cô tiếp tục gây ảnh hưởng thông qua sách nấu ăn, các chương trình truyền hình và nhà hàng The Blind Goat. Hành trình của cô chứng minh rằng tài năng và quyết tâm có thể vượt qua mọi hạn chế về thể chất, biến cô thành một hình mẫu mạnh mẽ cho các thế hệ tương lai.

→ Chọn đáp án B

Question 31:

DỊCH BÀI	
<p>In today’s interconnected world, communication between people from different cultural backgrounds has become more frequent than ever. However, cultural diversity can sometimes lead to misunderstanding if individuals fail to interpret messages correctly. For instance, while Westerners value directness, many Asian cultures prefer indirect expressions, which may confuse people from other cultures. Because of this, what is meant as honesty in one culture may appear rude in another. Language is not the only factor influencing communication.</p>	<p>Trong thế giới kết nối ngày nay, giao tiếp giữa những người có nền văn hóa khác nhau trở nên thường xuyên hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, sự đa dạng văn hóa đôi khi có thể dẫn đến hiểu lầm nếu các cá nhân không diễn giải thông điệp một cách chính xác. Ví dụ, trong khi người phương Tây coi trọng sự thẳng thắn, nhiều nền văn hóa châu Á lại ưa chuộng cách diễn đạt gián tiếp, điều này có thể gây nhầm lẫn cho người từ các nền văn hóa khác. Vì vậy, điều được coi là trung thực trong một nền văn hóa có thể bị coi là thô lỗ trong một nền văn hóa khác. Ngôn ngữ không phải là yếu tố duy nhất ảnh hưởng đến giao tiếp.</p>
<p>Nonverbal cues such as gestures, eye contact, and personal space vary greatly across societies. For example, maintaining eye contact shows confidence in some countries, it may seem disrespectful in others. Understanding these subtle differences requires cultural awareness and sensitivity. Education plays a key role in fostering intercultural competence. Schools that offer multicultural programs encourage students to learn about traditions and values from other nations so that they can interact successfully with people from other cultures. Such learning experiences reduce anxiety and increase respect for diversity. In workplaces, international companies often train employees to adjust their communication styles so as to prevent conflicts and build cooperation. If understanding is lacking, even small differences may lead to tension. Ultimately, embracing diversity helps create a world where people live and work together with mutual respect despite their differences.</p>	<p>Các tín hiệu phi ngôn ngữ như cử chỉ, giao tiếp bằng mắt và không gian cá nhân rất khác nhau giữa các xã hội. Ví dụ, duy trì giao tiếp bằng mắt thể hiện sự tự tin ở một số quốc gia, nhưng có thể bị coi là thiếu tôn trọng ở những quốc gia khác. Hiểu được những khác biệt tinh tế này đòi hỏi nhận thức và sự nhạy cảm về văn hóa. Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy năng lực giao tiếp liên văn hóa. Các trường học cung cấp các chương trình đa văn hóa khuyến khích học sinh tìm hiểu về truyền thống và giá trị từ các quốc gia khác để họ có thể tương tác thành công với những người từ các nền văn hóa khác. Những trải nghiệm học tập như vậy làm giảm lo lắng và tăng cường sự tôn trọng đối với sự đa dạng. Tại nơi làm việc, các công ty quốc tế thường đào tạo nhân viên điều chỉnh phong cách giao tiếp của họ để ngăn ngừa xung đột và xây dựng sự hợp tác. Nếu thiếu sự hiểu biết, ngay cả những khác biệt nhỏ cũng có thể dẫn đến căng thẳng. Tóm lại, việc đón nhận sự đa dạng giúp tạo ra một thế giới nơi mọi người sống và làm việc cùng nhau với sự tôn trọng lẫn nhau bất chấp những khác biệt.</p>

Giaoadethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Question 31:

Kiến thức: Ngữ cảnh trong bài đọc điền khuyết thông tin

Câu này đang so sánh hai phong cách giao tiếp đối lập: trực tiếp (Westerners) và gián tiếp (Asian cultures). Đoạn văn trước đó đã đề cập rằng sự đa dạng văn hóa có thể dẫn đến hiểu lầm (misunderstanding). Vì vậy, chỗ trống cần một mệnh đề chỉ ra hệ quả hoặc tác động của sự khác biệt này đối với người khác. Ta xét từng đáp án.

- A. nếu sự giao tiếp diễn ra giữa những người có cùng nền tảng văn hóa → Sai vì đoạn văn đang nói về sự tương tác giữa các nền văn hóa khác nhau (interconnected world). Việc đưa điều kiện ‘cùng nền tảng’ (same background) vào đây là lạc đề và không làm nổi bật được sự hiểu lầm đã nêu ở câu trước.
- B. vì lời nói trực tiếp luôn đảm bảo sự thấu hiểu lẫn nhau → Sai vì khẳng định lời nói trực tiếp ‘luôn luôn’ (always) đảm bảo thấu hiểu là sai lệch so với nội dung bài (bài đọc nhấn mạnh sự phức tạp của văn hóa).
- C. điều này có thể gây nhầm lẫn cho người từ các nền văn hóa khác → Đúng vì nó giải thích trực tiếp hậu quả của sự khác biệt về phong cách giao tiếp: sự gián tiếp có thể gây nhầm lẫn.
- D. mặc dù cả hai bên đều cố gắng tránh bày tỏ sự bất đồng → Sai vì không giải thích được tại sao sự khác biệt giữa trực tiếp và gián tiếp lại quan trọng trong ngữ cảnh gây ra sự hiểu lầm. Nó không tạo ra sự kết nối chặt chẽ với câu tiếp theo (‘Because of this, what is meant as honesty...’).

Tạm dịch:

For instance, while Westerners value directness, many Asian cultures prefer indirect expressions, which may confuse people from other cultures. (Ví dụ, trong khi người phương Tây coi trọng sự thẳng thắn, nhiều nền văn hóa châu Á lại ưa chuộng cách diễn đạt gián tiếp, điều này có thể gây nhầm lẫn cho người từ các nền văn hóa khác.)

→ Chọn đáp án C

Question 32:

Kiến thức: Ngữ cảnh trong bài đọc điền khuyết thông tin

Câu trước khẳng định: Các tín hiệu phi ngôn ngữ (như ánh mắt) rất khác nhau (vary greatly) giữa các xã hội. Cụm từ ‘For example’ yêu cầu một ví dụ cụ thể minh họa cho sự ‘khác nhau’ đó. Ta xét từng đáp án.

- A. mọi người hiểu về giao tiếp bằng mắt khác nhau ở các nền văn hóa, vì vậy nó thường dẫn đến hiểu lầm hoặc xung đột → Sai vì nó lặp lại ý của câu trước thay vì đưa ra một dẫn chứng cụ thể về việc văn hóa này làm thế này, văn hóa kia làm thế kia.
- B. giao tiếp bằng mắt mạnh mẽ được dùng để biểu lộ cảm xúc, tuy nhiên nó hiếm khi gây ra vấn đề nghiêm trọng giữa người với người → Sai vì mâu thuẫn với ngữ cảnh.
- C. giao tiếp bằng mắt bị tránh né như một dấu hiệu của sự tôn trọng, và kết quả là giao tiếp trở nên không hiệu quả → Sai vì việc tránh ánh mắt để tôn trọng là một cách giao tiếp có hiệu quả trong một số nền văn hóa. Sự không hiệu quả chỉ xảy ra khi có sự xung đột giữa hai nền văn hóa khác nhau, chứ không phải bản thân hành động đó là kém hiệu quả.
- D. duy trì giao tiếp bằng mắt thể hiện sự tự tin ở một số quốc gia, nhưng có thể bị coi là thiếu tôn trọng ở những quốc gia khác → Đúng vì nó đưa ra hai mặt đối lập: ‘confidence’ (tự tin) đối lập với ‘disrespectful’ (thiếu tôn trọng). Điều này minh họa chính xác cho từ ‘vary’ (khác nhau) ở câu trước.

Tạm dịch:

Nonverbal cues such as gestures, eye contact, and personal space vary greatly across societies. For example, maintaining eye contact shows confidence in some countries, it may seem disrespectful in others. (Các tín hiệu phi ngôn ngữ như cử chỉ, giao tiếp bằng mắt và không gian cá nhân rất khác nhau giữa các xã hội. Ví dụ, duy trì giao tiếp bằng mắt thể hiện sự tự tin ở một số quốc gia, nhưng có thể bị coi là thiếu tôn trọng ở những quốc gia khác.)

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

→ Chọn đáp án D

Question 33:

Kiến thức: Ngữ cảnh trong bài đọc điền khuyết thông tin

Chỗ trống cần một mệnh đề chỉ mục đích hoặc một mệnh đề trạng ngữ phù hợp để hoàn thiện ý nghĩa cho hành động ‘encourage students to learn’ (khuyến khích học sinh học). Ta xét từng đáp án.

- A. để họ có thể tương tác thành công với những người từ các nền văn hóa khác → Đúng vì liên kết mạch lạc với ý trước.
- B. khi học sinh đã hiểu rõ các truyền thống lớn trên thế giới → Sai vì nếu học sinh ‘đã hiểu rõ’ (already understand) rồi thì mục đích của việc ‘khuyến khích học’ sẽ không còn mạnh mẽ nữa. Giáo dục thường nhằm mục đích bổ sung kiến thức chưa biết, chứ không phải chỉ dạy khi học sinh đã biết hết.
- C. bởi vì những chương trình như vậy làm giảm nhu cầu tư duy phản biện trong lớp học → Sai vì việc học về đa văn hóa thường thúc đẩy tư duy phản biện chứ không bao giờ làm giảm nó.
- D. mặc dù không phải học sinh nào cũng thích tìm hiểu về các nền văn hóa toàn cầu → Sai vì ngữ cảnh đang tập trung vào lợi ích và kết quả của chương trình, không phải nói về sở thích cá nhân hay sự khó khăn của học sinh.

Tạm dịch:

Schools that offer multicultural programs encourage students to learn about traditions and values from other nations so that they can interact successfully with people from other cultures. (Các trường học cung cấp các chương trình đa văn hóa khuyến khích học sinh tìm hiểu về truyền thống và giá trị từ các quốc gia khác để họ có thể tương tác thành công với những người từ các nền văn hóa khác.)

→ Chọn đáp án A

Question 34:

Kiến thức: Ngữ cảnh trong bài đọc điền khuyết thông tin

Chỗ trống cần một cấu trúc chỉ mục đích hoặc nguyên nhân phù hợp với hành động ‘train’ (đào tạo). Ta xét từng đáp án.

- A. để ngăn ngừa xung đột và xây dựng sự hợp tác → Đúng vì việc ‘ngăn ngừa xung đột’ (prevent conflicts) và ‘xây dựng hợp tác’ (build cooperation) là kết quả của việc điều chỉnh phong cách giao tiếp.
- B. trong khi việc thích nghi có thể đòi hỏi thêm thời gian và nỗ lực → Sai vì nó không giải thích được tại sao công ty lại đào tạo nhân viên.
- C. bởi vì những hiểu lầm hiếm khi xảy ra trong các văn phòng toàn cầu → Sai vì toàn bộ bài viết đang nhấn mạnh rằng hiểu lầm rất dễ xảy ra.
- D. nếu họ đã hiểu được những sự khác biệt xuyên văn hóa → Sai vì ‘Nếu họ đã hiểu rồi’ (if they already understand) thì việc đào tạo trở nên thừa thãi. Mục đích của việc đào tạo (train) là để giúp những người chưa biết hoặc chưa thạo trở nên hiểu biết hơn.

Tạm dịch:

In workplaces, international companies often train employees to adjust their communication styles so as to prevent conflicts and build cooperation. (Tại nơi làm việc, các công ty quốc tế thường đào tạo nhân viên điều chỉnh phong cách giao tiếp của họ để ngăn ngừa xung đột và xây dựng sự hợp tác.)

→ Chọn đáp án A

Question 35:

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

Ta thấy, đã có chủ ngữ chính ‘embracing diversity’ và động từ chính ‘helps’, vì vậy vị trí có thể là mệnh đề quan hệ bổ nghĩa cho cụm danh từ chỉ vật ‘a world’. Ta xét từng đáp án.

- Loại A vì ‘uniform’ (đồng nhất) đi ngược lại với khái niệm ‘diversity’ (đa dạng) được đề cập trong bài.
- Loại C vì dùng đại từ quan hệ chỉ người ‘who’.
- Loại D vì ý nghĩa ‘nơi mà các truyền thống bị thay thế bởi các thói quen toàn cầu’ không phù hợp. Việc đón nhận đa văn hóa nhằm bảo tồn và tôn trọng truyền thống của nhau, chứ không phải để các thói quen toàn cầu tiêu diệt truyền thống địa phương.
- B đúng vì đây là mệnh đề quan hệ hoàn chỉnh.

Tạm dịch:

Ultimately, embracing diversity helps create a world where people live and work together with mutual respect despite their differences. (Tóm lại, việc đón nhận sự đa dạng giúp tạo ra một thế giới nơi mọi người sống và làm việc cùng nhau với sự tôn trọng lẫn nhau bất chấp những khác biệt.)

→ Chọn đáp án B

Question 36:

Kiến thức: Sắp xếp lá thư	
DỊCH BÀI	
Dear Emma, I hope you are doing well. I went to a Thai restaurant in the city because I wanted to try some traditional Thai food. The dishes looked amazing, and I ordered spicy papaya salad and green curry. At first, everything tasted delicious, but a few hours later, I started feeling really sick. I had stomach pain and a fever, and I realized I probably had food poisoning. I think the food was too spicy and oily for me because I’m not used to eating that kind of cuisine. I had to rest at home for two days, drink a lot of water, and eat only soup and rice. Now I’m feeling much better, but I’ve learned to be more careful when trying new dishes from different cultures.	Emma thân mến, Mình hy vọng bạn vẫn khỏe. Mình đã đến một nhà hàng Thái ở thành phố vì muốn thử một số món ăn truyền thống của Thái Lan. Các món ăn trông rất hấp dẫn, và mình đã gọi món salad đu đủ cay và cà ri xanh. Lúc đầu, mọi thứ đều rất ngon, nhưng vài giờ sau, mình bắt đầu cảm thấy rất khó chịu. Mình bị đau bụng và sốt, và mình nhận ra mình có thể bị ngộ độc thực phẩm. Mình nghĩ thức ăn quá cay và nhiều dầu mỡ đối với mình vì mình không quen ăn kiểu ẩm thực đó. Mình phải nghỉ ngơi ở nhà hai ngày, uống nhiều nước và chỉ ăn canh và cơm. Bây giờ mình cảm thấy tốt hơn nhiều, nhưng mình đã học được cách cẩn thận hơn khi thử các món ăn mới từ các nền văn hóa khác nhau.
Best, Minh Phat	Chúc bạn mọi điều tốt đẹp, Minh Phát
→ Chọn đáp án B	

Question 37:

Kiến thức: Sắp xếp đoạn văn
DỊCH BÀI

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

<p>The rapid pace of urbanisation has intensified unemployment problems in many developing countries. As millions of people migrate from rural areas to cities in search of better living conditions, the urban labour market becomes oversaturated, leading to fierce competition for limited jobs. Although urban growth often brings industrial expansion, it rarely creates enough employment opportunities to match the speed of population increase. This mismatch between labour supply and demand forces many individuals into informal work or long-term joblessness, which in turn worsens poverty and social inequality. To address these challenges, governments must promote balanced regional development and provide vocational training to ensure that urbanisation contributes to sustainable economic growth rather than rising unemployment.</p>	<p>Tốc độ đô thị hóa nhanh chóng đã làm trầm trọng thêm vấn đề thất nghiệp ở nhiều nước đang phát triển. Khi hàng triệu người di cư từ nông thôn ra thành phố để tìm kiếm điều kiện sống tốt hơn, thị trường lao động đô thị trở nên bão hòa, dẫn đến cạnh tranh khốc liệt cho số lượng việc làm hạn chế. Mặc dù tăng trưởng đô thị thường mang lại sự mở rộng công nghiệp, nhưng hiếm khi tạo ra đủ cơ hội việc làm để đáp ứng tốc độ tăng dân số. Sự mất cân bằng giữa cung và cầu lao động này buộc nhiều người phải làm việc phi chính thức hoặc thất nghiệp dài hạn, từ đó làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng xã hội. Để giải quyết những thách thức này, chính phủ cần thúc đẩy phát triển vùng cân bằng và cung cấp đào tạo nghề để đảm bảo rằng đô thị hóa góp phần vào tăng trưởng kinh tế bền vững thay vì làm gia tăng thất nghiệp.</p>
<p>→ Chọn đáp án D</p>	

Question 38:

<p>Kiến thức: Sắp xếp đoạn hội thoại 3 câu</p>	
<p style="text-align: center;">DỊCH BÀI</p>	
<p>Anna: Have you ever tried bamboo dancing? I saw people doing it at the cultural fair yesterday, and it looked really fun.</p>	<p>Anna: Cậu đã bao giờ thử múa sạp chưa? Tớ thấy mọi người múa ở hội chợ văn hóa hôm qua, trông vui lắm.</p>
<p>Minh: Yes, I tried it once during a school event. It was difficult at first because you have to move your feet quickly between the bamboo poles without getting caught.</p>	<p>Minh: Ừ, tớ đã thử một lần trong một sự kiện ở trường. Lúc đầu khó lắm vì phải di chuyển chân nhanh giữa các thanh tre mà không được vướng.</p>
<p>Anna: That sounds exciting! I'd love to learn it too. It seems like a great way to enjoy music and experience different cultures at the same time.</p>	<p>Anna: Nghe thú vị quá! Tớ cũng muốn học lắm. Hình như đó là một cách tuyệt vời để thưởng thức âm nhạc và trải nghiệm các nền văn hóa khác nhau cùng một lúc.</p>
<p>→ Chọn đáp án A</p>	

Question 39:

<p>Kiến thức: Sắp xếp đoạn văn</p>	
<p style="text-align: center;">DỊCH BÀI</p>	
<p>Rush hour in urban areas is a serious challenge that</p>	<p>Giờ cao điểm ở khu vực đô thị là một thách thức</p>

Giaodethitienganh.info có rất nhiều tài liệu tiếng anh file word hay, chất lượng, để tải thêm rất nhiều tài liệu hay khác, mời bạn đăng ký tài khoản (chỉ 100k/ năm) để chủ động hoàn toàn việc tải tài liệu bất cứ lúc nào bạn cần!

<p>affects both individuals and the environment. During this period, thousands of people travel to and from work, causing traffic congestion on nearly every main road. As a result, commuters often spend hours stuck in traffic, which leads to frustration, stress, and a significant loss of productivity. In addition, the large number of vehicles on the road increases fuel consumption and air pollution, making city life less healthy and less sustainable. To address these issues, city authorities should invest in efficient public transport systems and promote flexible working hours to reduce the pressure on roads during peak times.</p>	<p>ngghiêm trọng ảnh hưởng đến cả cá nhân và môi trường. Trong thời gian này, hàng nghìn người đi làm và về nhà, gây tắc nghẽn giao thông trên hầu hết các tuyến đường chính. Kết quả là, người đi làm thường phải mất hàng giờ đồng hồ kẹt xe, dẫn đến sự bực bội, căng thẳng và làm giảm năng suất đáng kể. Thêm vào đó, số lượng lớn phương tiện giao thông trên đường làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu và ô nhiễm không khí, khiến cuộc sống thành phố kém lành mạnh và kém bền vững hơn. Để giải quyết những vấn đề này, chính quyền thành phố nên đầu tư vào hệ thống giao thông công cộng hiệu quả và thúc đẩy giờ làm việc linh hoạt để giảm áp lực lên đường sá trong giờ cao điểm.</p>
<p>→ Chọn đáp án C</p>	

Question 40:

<p>Kiến thức: Sắp xếp đoạn hội thoại 5 câu</p>	
<p style="text-align: center;">DỊCH BÀI</p>	
<p>Liam: I’ve just moved to Japan, and I’m still trying to understand the culture here.</p>	<p>Liam: Mình vừa chuyển đến Nhật Bản và vẫn đang cố gắng hiểu văn hóa ở đây.</p>
<p>Hana: Oh, really? What’s confusing you the most?</p>	<p>Hana:Ồ, thật sao? Điều gì khiến bạn bối rối nhất?</p>
<p>Liam: Well, yesterday I walked into someone’s house with my shoes on, and they looked shocked. I didn’t know it was rude to do that here.</p>	<p>Liam: À, hôm qua mình đi vào nhà người khác mà vẫn mang giày, và họ trông rất ngạc nhiên. Mình không biết ở đây làm vậy là bất lịch sự.</p>
<p>Hana: Yes, in Japan, people always take off their shoes before entering a house. It’s a sign of respect and cleanliness.</p>	<p>Hana: Đúng vậy, ở Nhật Bản, mọi người luôn cởi giày trước khi vào nhà. Đó là dấu hiệu của sự tôn trọng và sạch sẽ.</p>
<p>Liam: I see! That makes sense now. I guess I need to learn more about Japanese customs so I don’t make more mistakes.</p>	<p>Liam: Mình hiểu rồi! Giờ thì nghe có vẻ hợp lý đấy. Chắc mình cần tìm hiểu thêm về phong tục Nhật Bản để không mắc thêm lỗi nữa.</p>
<p>→ Chọn đáp án D</p>	